

Số: /UBND-NC

Tuy Phước, ngày tháng năm 2023

V/v hướng dẫn thực hiện việc
kiểm soát TSTN năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện;
- Các ban của Huyện ủy, Văn phòng Huyện ủy;
- Các phòng, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện;
- Các tổ chức chính trị - xã hội huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Căn cứ quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN) của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát TSTN; chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 8834/UBND-NC ngày 21/11/2023 về việc thực hiện kiểm soát TSTN năm 2023, UBND huyện hướng dẫn triển khai cụ thể như sau:

1. Xây dựng kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện; các ban của Huyện ủy; Văn phòng Huyện ủy; các tổ chức chính trị - xã hội huyện; các phòng, ban, ngành và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện; UBND các xã, thị trấn (*sau đây gọi chung là các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị*) ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị mình tổ chức thực hiện việc kê khai, công khai bản kê khai TSTN hàng năm và kê khai bổ sung năm 2023 theo quy định.

Kế hoạch phải nêu rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, hình thức, biện pháp, thời gian và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức thực hiện việc kê khai, công khai bản kê khai, việc lập, quản lý, lưu trữ hồ sơ kê khai và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện việc kiểm soát TSTN năm 2023.

2. Thực hiện kế hoạch kê khai, công khai và gửi bản kê khai TSTN

2.1. Rà soát, lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai TSTN

Từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tiến hành rà soát, lập danh sách những người có nghĩa vụ kê khai TSTN lần đầu, kê khai TSTN hàng năm và kê khai bổ sung năm 2023 theo quy định tại điểm b, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ, trình người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phê duyệt để triển khai và hướng dẫn thực hiện việc kê khai TSTN tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình (*lưu ý: Đối với các chức danh tương đương thực hiện theo Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ*

Chính trị về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở).

Danh sách cán bộ, công chức, viên chức có nghĩa vụ kê khai TSTN hàng năm và kê khai bổ sung năm 2023 cần xác định rõ những người thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ và phải gửi cho các cơ quan có thẩm quyền kiểm soát TSTN theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập ban hành theo Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị để theo dõi, tổng hợp việc kê khai và thực hiện việc kiểm tra, xác minh TSTN theo quy định (**Lưu ý:** *Những người thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý theo Khoản 2, Khoản 3 – Mục I của Quy định số 10-QĐ/HU ngày 20/9/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy gửi danh sách về UBKT Huyện ủy theo Văn bản số 123-CV/UBKTHU ngày 16/11/2023 của UBKT Huyện ủy về việc kê khai và tiếp nhận, nộp bản kê khai tài sản, thu nhập*)

Danh sách người có nghĩa vụ kê khai TSTN năm 2023 thuộc thẩm quyền kiểm soát TSTN của Thanh tra tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Quy chế phối hợp giữa các Cơ quan kiểm soát TSTN ban hành tại Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị (*là những người đang công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND huyện theo Điều 10, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ; trừ những người thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ban thường vụ huyện ủy quản lý và những người công tác trong các cơ quan đảng của huyện*), gửi về Thanh tra huyện **trước ngày 10/12/2023** để tổng hợp gửi Thanh tra tỉnh.

2.2. Tổ chức thực hiện việc kê khai TSTN

Trên cơ sở danh sách được lập, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động triển khai hướng dẫn người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai TSTN và phải hoàn thành **trước ngày 31/12/2023**. Người có nghĩa vụ kê khai TSTN lần đầu, kê khai TSTN hàng năm thực hiện việc kê khai theo Phụ lục I; người có nghĩa vụ kê khai TSTN bổ sung thực hiện việc kê khai theo Phụ lục II, được ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Người có nghĩa vụ kê khai TSTN kê khai ít nhất 03 bản (01 bản bàn giao cho Cơ quan kiểm soát TSTN; 01 giao cho Phòng Nội vụ để phục vụ công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức; 01 bản để phục vụ công tác quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị và hoạt động công khai bản kê khai); nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, rõ ràng các thông tin về TSTN phải kê khai và giải trình rõ về biến động TSTN tăng thêm theo đúng hướng dẫn trong Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai TSTN của mình; không được tự ý thay đổi, bỏ nội dung phải kê khai trong Mẫu bản kê khai.

Người được cơ quan, tổ chức, đơn vị phân công hướng dẫn, theo dõi thực hiện việc kê khai khi tiếp nhận bản kê khai phải kiểm tra kỹ bản kê khai; trường hợp bản kê khai không đúng theo mẫu hoặc không đầy đủ, rõ ràng về nội dung kê khai hoặc giải trình biến động về TSTN chưa rõ thì phải yêu cầu người kê khai thực hiện kê khai lại theo đúng mẫu hoặc kê khai bổ sung.

Việc kê khai, tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai TSTN hàng năm và kê khai bổ sung năm 2023 phải thực hiện đúng thời gian và trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 37, Điều 38 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

2.3. Công khai bản kê khai TSTN

Sau khi hoàn thành việc kê khai, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện nghiêm túc việc công khai và lập biên bản công khai bản kê khai TSTN theo quy định tại khoản 1, Điều 39 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 11 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

2.4. Gửi bản kê khai TSTN

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương lập danh sách và gửi Bản kê khai TSTN (bản gốc) những người có nghĩa vụ kê khai TSTN năm 2023 thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý về Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy song cùng với thời gian gửi cho Ban Tổ chức Huyện ủy về báo cáo kết quả kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2023.

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai TSTN năm 2023 thuộc thẩm quyền kiểm soát TSTN của Thanh tra tỉnh và gửi kèm theo 01 Bản kê khai TSTN (bản gốc) của người có nghĩa vụ kê khai TSTN về Thanh tra huyện **trước ngày 20/02/2024** qua đường văn thư hoặc gửi trực tiếp cho bộ phận Văn phòng Thanh tra huyện để tổng hợp gửi Thanh tra tỉnh

3. Báo cáo kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN

Sau khi hoàn thành việc kê khai, công khai bản kê khai TSTN hàng năm và kê khai bổ sung năm 2023, các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý nhà nước, kể cả các trường hợp thực hiện kê khai TSTN lần đầu trong năm 2023 theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 36 Luật PCTN năm 2018 và kê khai phục vụ công tác cán bộ trong năm 2023 theo quy định tại khoản 4, Điều 36 Luật PCTN năm 2018 (nếu có), báo cáo gửi về UBND huyện (qua Thanh tra huyện) **trước ngày 05/3/2023** để tổng hợp. Nội dung báo cáo thực hiện theo Đề cương kèm theo Văn bản này.

Yêu cầu các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định; nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc, phản ánh kịp thời cho Thanh tra huyện (qua số điện thoại 02563.633.360) để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Huyện ủy (b/cáo);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Thanh tra huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Nam